TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS - PT
Ngày: 12 - 01 - 2021
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Bà Trần Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình: Ông Lê Quý Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2020/TLPT- DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS - ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/QĐPT - TA ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Việt Nam T. Địa chỉ: số 89, Láng Hạ, quận Đ, thành phố Hà Nội;

+ Đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT VP;

+ Đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Tuấn A – Phó giám đốc trung tâm pháp luật Ngân hàng VP;

+ Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Cao Duy Th - Trưởng bộ phận xử lý nợ- VP AMC và ông Nguyễn Đăng Th1 - Chuyên viên xử lý nợ - VP AMC.

- *Bị đơn:*

+ Bà Đỗ Thị Mai H, sinh năm 1977;

+ Ông Bùi Văn S, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: xóm M, xã Th, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Người địa diện theo ủy quyền của ông Bùi Văn S: bà Đỗ Thị Mai H.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* chị Bùi Đỗ Dạ Q, sinh năm 2000. Địa chỉ: xóm M, xã Th, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Quỳnh: bà Đỗ Thị Mai H.

- *Người kháng cáo:* bị đơn Đỗ Thị Mai H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 6 năm 2019 và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm nguyên đơn trình bày:

Bà Đỗ Thị Mai H và ông Bùi Văn S vay vốn tại Ngân hàng thương mại Việt Nam T (gọi tắt VP) theo các Hợp đồng tín dụng vay vốn cụ thể như sau:

Ngày 29/7/2015, bà Đỗ Thị Mai H và ông Bùi Văn S ký hợp đồng tín dụng số 4052460 với VP để vay số tiền là 500.000.000đ, mục đích là vay tiêu dùng mua sắm đồ dùng gia đình, thời hạn cho vay là 120 tháng với lãi suất là 12 %/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần, cộng biên độ 4%/năm.

Ngày 30/3/2016, bà Đỗ Thị Mai H ký hợp đồng tín dụng số 6812246 với VP để vay số tiền là 29.000.000đ mục đích là mua sắm dụng cụ gia đình, thời hạn cho vay là 24 tháng với lãi suất là 20%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần, cộng biên độ 12%/năm.

Ngày 07/7/2016, bà Đỗ Thị Mai H và ông Bùi Văn S ký hợp đồng tín dụng số 8058209 với VP để vay số tiền là 1.120.000.000đ, mục đích là bổ sung vốn kinh doanh phục vụ ăn uống, karaoke, thời hạn cho vay là 120 tháng với lãi suất là 10.9 %/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần, cộng biên độ 6%/năm.

Ngày 07/6/2017, bà Đỗ Thị Mai H ký kết hợp đồng tín dụng số LN1706070069394 với VP để vay số tiền là 184.000.000 đ, mục đích là vay tiêu dùng mua đồ gia dụng, thời hạn cho vay là 48 tháng với lãi suất là 20%/năm.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay nêu trên là:

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số: BB 623854, thửa đất số 40C, tờ bản đồ số 15, tại địa chỉ xóm M, xã Th, huyện L, tỉnh Hỏa Bình do UBND huyện L, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 21/06/2010 đứng tên hộ ông Bùi Văn S.

Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 15, tại xã Th, huyện L, tỉnh Hòa Bình, số giấy chứng nhận: E 0065210, do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 20/10/1995, đứng tên ông Bùi Văn S.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đỗ Thị Mai H và ông Bùi Văn S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên các khoản vay trên đã chuyển sang nợ quá hạn, bà H và ông S phải chịu lãi suất quá hạn, phạt vi phạm hợp đồng cùng các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tạm tính đến ngày 07/11/2019, bà H và ông S trả được nợ gốc là 269.899.165đ và lãi 277.060.626đ. Nay VP khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện L buộc Bà Đỗ Thị Mai H và ông Bùi Văn S phải thanh toán cho

VP toàn bộ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 07/11/2019 là: 2.421.281.443đ (trong đó nợ gốc là 1.563.100.835đ, nợ lãi là 705.277.689 đ, lãi phạt chậm trả là 152.902.919đ). Trường hợp ông S, bà H không trả số nợ, VP có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa 40C, tờ bản đồ số 15 và quyền sử dụng đất tại thửa đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 15 để đảm bảo thu hồi khoản nợ. Tại phiên tòa, VP rút yêu cầu đối với phần lãi phạt chậm trả là 152.902.919đ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H, ông S và chị Bùi Đỗ Dạ Q vắng mặt. Lý do bà H và ông S đưa ra là ông bà đã tự nguyện thỏa thuận với VP nên không đề nghị Tòa án giải quyết và không tham gia tố tụng tại Tòa án.

Bản án số 34/2019/DS – ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L quyết định: Căn cứ Điều 121, Điều 122, Điều 336; Điều 339; Điều 342, Điều 343, Điều 348, Điều 351, Điều 355, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 116, Điều 117, Điều 466; Điều 317; Điều 318; Điều 320; Điều 323; Điều 299; Điều 303 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL- HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

* Buộc bị đơn bà Đỗ Thị Mai H và ông Bùi Văn S phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T tổng số tiền là: 2.268.387.524 đ, cụ thể: Đối với Hợp đồng tín dụng số 4052460 ngày 29/7/2015: Nợ gốc là: 391.658.000đ, nợ lãi trong hạn là: 151.386.145đ.; Đối với Hợp đồng tín dụng số 6812246 ngày 30/3/2016: Nợ gốc là: 8.387.483đ, nợ lãi trong hạn là: 5.095.349đ; Đối với Hợp đồng tín dụng số 8058209 ngày 07/07/2016: Nợ gốc là: 989.338.000đ, nợ lãi trong hạn là: 441.150.945đ.; Đối với Hợp đồng tín dụng số LN1706070069394 ngày 07/06/2017: Nợ gốc là: 173.717.352đ , nợ lãi trong hạn là: 107.645.250đ.

Đình chỉ yêu cầu đối với khoản tiền lãi phạt chậm trả là: 137.032.552 đ.

* Trường hợp bà Đỗ Thị Mai H và ông Bùi Văn S không trả được số tiền theo các Hợp đồng vay vốn thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nêu trên cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T. Tài sản thế chấp được xử lý là:

- Quyền sử dụng đất theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số: BB 623854, thửa đất số 40C, tờ bản đồ số 15, tại địa chỉ xóm M, xã Th, huyện L, tỉnh Hòa Bình do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 21/06/2010 đứng tên hộ ông Bùi Văn S, (theo Hợp đồng thế chấp số 807, quyển số: 01TP/CC-SCC, ký kết ngày 06/07/2016 tại Văn phòng Công

chứng T, tỉnh Hòa Bình).

- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 15, tại xã Th, huyện L, tỉnh Hòa Bình, Số giấy chứng nhận E 0065210, do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 20/10/1995, đứng tên ông Bùi Văn S. (Theo Hợp đồng thế chấp số 773, Quyển số: 02/2015, TP/CC- SCC/HĐGD ký ngày 28/7/2015 tại Văn phòng Công chứng T, tỉnh Hòa Bình).

Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T còn thừa thì được trả lại cho bà Đỗ Thị Mai H và ông Bùi Văn S. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thực hiện các Hợp đồng tín dụng trên thì bà Đỗ Thị Mai H và ông Bùi Văn S phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí (bà Đỗ Thị Mai H và ông Bùi Văn S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 77.367.570đ), lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 15/6/2020, bị đơn Đỗ Thị Mai H có đơn kháng cáo với nội dung: không nhất trí toàn bộ bản án sơ thẩm số 34/2019/DS – ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS – ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình. Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện L giải quyết lại theo đúng thẩm quyền.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, bị đơn vay với mục đích để mua sắm đồ gia dụng trong gia đình,bổ sung vốn kinh doanh phục vụ ăn uống, karaoke (bên bị đơn không có đăng ký kinh doanh) nên xác định là tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 1 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại xóm M, xã Th, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn ông Nguyễn Đăng Th1 có mặt, ông Cao Duy Th vắng mặt, căn cứ nội dung ủy quyền lại thì việc ông Th vắng mặt không ảnh hưởng quá trình xét xử. Ông Bùi Văn S và chị Bùi Đỗ Dạ Q đã ủy quyền cho bà Đỗ Thị Mai H, việc xét xử vắng mặt ông S, chị Q, ông Th được thực hiện theo đúng khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2].Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà Đỗ Thị Mai H về việc không nhất trí toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Do nhu cầu mua sắm dụng cụ trong gia đình và để bổ sung vốn kinh doanh phục vụ ăn uống, karaoke giữa VP và ông S, bà H có ký kết các hợp đồng tín dụng số 4052460 ngày 29/7/2015, hợp đồng tín dụng số 6812246 ngày 30/3/2016, hợp đồng tín dụng số 8058209 ngày 07/7/2016 và hợp đồng tín dụng số LN1706070069394 ngày 07/6/2017 để vay với tổng số tiền là 1.833.000.000đ. VP đã giải ngân số tiền trên cho ông S, bà H. Tính đến ngày 07/11/2019, bà H và ông S trả được nợ gốc là 269.899.165đ. Do bà H, ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên VP khởi kiện yêu cầu ông S, bà H trả số nợ gốc còn lại là 1.563.100.835đ. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, bà H với tư cách là bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của ông S cũng đã thừa nhận số tiền vay VP là để phục vụ cho cuộc sống của gia đình, nhất trí trả số tiền nợ gốc còn lại là 1.563.100.835đ. Tòa án nhân dân huyện L tuyên buộc ông S, bà H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 1.563.100.835đ là có căn cứ.

Đối với phần lãi suất được tính theo lãi suất của hợp đồng do hai bên thỏa thuận, sự thỏa thuận này phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Tạm tính đến ngày 07/11/2019, ông S, bà H đã trả được số nợ lãi 277.060.626đ còn nợ lãi là 705.277.689đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H không có ý kiến mức lãi suất 20% của hợp đồng LN1706070069394 ngày 07/6/2017 nên cấp phúc thẩm không xem xét. Tòa án nhân dân huyện L tuyên buộc vợ chồng ông S, bà H phải trả số nợ lãi tính đến ngày 07/11/2019 là có căn cứ. Bà H kháng cáo đề nghị xem xét về thời gian tính lãi của các hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà H chỉ nhất trí thời gian tính lãi kể từ ngày không thanh toán được khoản nợ gốc cho đến ngày 05/2/2018 là thời điểm Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là không có căn cứ. Theo quy định tại khoản 4 Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì "*Thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác*", thông báo số 874/2018/TB – VPBAMC ngày 20/01/2018 của VP về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ trước ngày 05/2/2018, nếu bà H không thanh toán tiền nợ sẽ xử lý tài sản bảo đảm. Tại phúc thẩm, VP cung cung thêm các văn bản làm việc giữa Ngân hàng và gia đình bà H, các văn bản này đều có nội dung yêu cầu bà H thanh toán nợ gốc, bàn giao tài sản để xử lý trong trường hợp không thanh toán được nợ. Do các bên

không thống nhất phương thức trả nợ cũng như cách thức xử lý tài sản (bà H chỉ đồng ý bàn giao tài sản thế chấp là thửa đất 40C với điều kiện nhất trí với giá trị của thửa đất khi định giá để cho vay) nên chưa thực hiện được bàn giao tài sản thế chấp để xử lý. Các văn bản trên đều không có sự thỏa thuận thời gian chậm trả tiền nợ gốc, nợ lãi nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà H.

Thời điểm xét xử sơ thẩm theo hướng dẫn tại Nghị quyết 012019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 là ngày Tòa án tuyên án khi xét xử sơ thẩm (28/11/2019). Tại phiên tòa hôm nay, VP chỉ yêu cầu Tòa án tính khoản nợ gốc và lãi đến thời điểm ngày 07/11/2019 và lãi suất chậm thi hành án sẽ tính từ ngày 29/11/2019. Nên việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên nghĩa vụ thanh toán tiền tính đến ngày 07/11/2019 là đúng.

Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 để xác định lãi, lãi suất là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP. Đối với hợp đồng tín dụng mà một bên là tổ chức tín dụng thì chỉ áp dụng Luật các tổ chức tín dụng để giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, VP đã rút yêu cầu thanh toán phạt lãi chậm trả tính đến ngày 07/11/2019 là 152.902.919đ. Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ phần này là đúng nhưng do nhầm lẫn số liệu nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu đối với khoản tiền lãi phạt chậm trả là 137.032.552đ (số liệu này do Ngân hàng tạm tính đến ngày 13/8/2019). Nay cấp phúc thẩm đính chính lại thco đúng số liệu mà Ngân hàng cung cấp là152.902.919đ.

[2.2]. Đối với việc xử lý tài sản thế chấp

[2.2.1]. Đối với tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa số 40C, tờ bản đồ số 15, tại địa chỉ xóm M, xã Th, huyện L, tỉnh Hòa Bình, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Bùi Văn S. Khi tiến hành thẩm định tại cấp phúc thẩm, thấy rằng tài sản trên đất không phải là ngôi nhà xây 3 tầng mà là nhà xây cấp 4, công trình phụ kép kín, có tường bao quanh. VP cho rằng khi tiến hành thẩm định giá tài sản khi phát vay, bà H chỉ ngôi nhà 3 tầng bên cạnh thửa đất thế chấp. Tuy nhiên, căn cứ hợp đồng thế chấp số 807 ngày 06/7/2016 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thấy rằng giữa các bên hoàn toàn tự nguyện và đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của giao địch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Sự nhầm lẫn này không làm vô hiệu hợp đồng vì đất và tài sản trên đất đều thuộc quyền sở hữu, sử dụng của hộ ông Bùi Văn S, xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Th đất không có ai tranh chấp. Quá trình giải quyết phúc thẩm, VP và bà H đều nhất trí phát mại đất và tài sản theo thực tế nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xử lý tài sản thế chấp này để bảo đảm cho khoản vay là đúng. Hợp đồng thế chấp số 807 ngày 06/7/2016 tại Văn phòng công chức T, bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ nợ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng trong khoảng thời gian kể từ ngày 06/7/2016 đến ngày 06/7/2019. Vì vậy tài sản này sẽ được xử lý để đảm bảo cho khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 8058209 ngày 07/7/2016 và hợp đồng tín dụng số LN1706070069394 ngày 07/6/2017.

[2.2.2]. Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 15, tại xã Th, huyện L, tỉnh Hòa Bình, giấy chứng nhận mang tên ông Bùi Văn S. Hội đồng xét xử xét thấy: theo tài liệu có trong hồ sơ, quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, VP chỉ cung cấp hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Bản thân bà H có biết việc Tòa án cấp sơ thẩm đang giải quyết việc VP khởi kiện bà và ông S nhưng mong muốn của bà H được tự giải quyết với Ngân hàng chứ không giải quyết tại Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào tài liệu do đương sự cung cấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Bùi Văn S và hợp đồng thế chấp số 773 ngày 28/7/2015. Thấy rằng hợp đồng thế chấp được ký kết trên cơ sở tự nguyện và được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục của giao dịch bảo đảm, trên cơ sở xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Th đã xác định thửa đất không có tranh chấp nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử lý tài sản bảo đảm này cho tất cả các khoản vay (theo hợp đồng thế chấp số 773 thì tài sản bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng trong khoảng thời gian từ ngày 28/7/2015 cho đến ngày 28/7/2020). Bà H kháng cáo không nhất trí xử lý tài sản thế chấp tại thửa đất số 46, tờ bản đồ 15 với lý do đất là của bố mẹ chồng, tài sản trên đất là cây cối, hoa màu do ông Bùi Văn S1 (bố chồng) trồng. Tại cấp phúc thẩm,VP mới cung cấp cho Tòa án văn bản thỏa thuận ngày 28/7/2015 (phụ lục kèm theo hợp đồng thế chấp), thì tài sản thế chấp trên thửa đất là 01 nhà xây cấp 4, 01 nhà sản cấp 4. Khi Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xem xét thẩm định, trên đất không có nhà, công trình mà chỉ có cây cối, hoa màu. Do các đương sự không giao nộp tài liệu chứng cứ (văn bản thỏa thuận ngày 28/7/2015) theo quy định tại Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự, một bên muốn tự giải quyết với Ngân hàng, không muốn đến Tòa. Nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu do đương sự đã nộp để giải quyết. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, ông S1 có đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét đất và tài sản trên đất là của ông. Do phát sinh tình tiết mới trên đất có tài sản là cây cối hoa màu. Cần hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm đối với phần xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 46, tờ bản đồ 15 tại xóm M, xã Th, huyện L, tỉnh Hòa Bình để xét xử lại đúng theo quy định của pháp luật. Khi giải quyết lại vụ án cần đưa ông Bùi Văn S1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để giải quyết vụ án được triệt để.

[3]. Về án phí: Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, bà Đỗ Thị Mai H có đơn xin miễn giảm án phí với lý do là con liệt sỹ. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Hội đồng xét xử xét miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đỗ Thị Mai H.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đỗ Thị Mai H không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đỗ Thị Mai H. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS -ST ngày 28/11/2019 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình về phần xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 15, tại xã Th, huyện L, tỉnh Hòa Bình, Số giấy chứng nhận E 0065210, do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 20/10/1995, đứng tên ông Bùi Văn S. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình giải quyết lại phần xử lý tài sản thế chấp này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DS -ST ngày 28/11/2019 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình về nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ theo các hợp đồng tín dụng và phần xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa số 40C, tờ bản đồ 15 có hiệu lực pháp luật, cụ thể:

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL- HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội

+ Buộc bị đơn bà Đỗ Thị Mai H và ông Bùi Văn S phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T tổng số tiền là: 2.268.387.524đ (*Hai tỷ, hai trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm hai mươi tư đồng*), trong đó nợ gốc là 1.563.100.835đ, nợ lãi là 705.277.689 đ) theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 4052460 ngày 29/7/2015: Nợ gốc là: 391.658.000đ, nợ lãi là: 151.386.145đ.;

Hợp đồng tín dụng số 6812246 ngày 30/3/2016: Nợ gốc là: 8.387.483đ, nợ lãi là: 5.095.349đ.

Hợp đồng tín dụng số 8058209 ngày 07/07/2016: Nợ gốc là: 989.338.000đ, nợ lãi là: 441.150.945đ.

Hợp đồng tín dụng số LN1706070069394 ngày 07/06/2017: Nợ gốc là: 173.717.352đ , nợ lãi là: 107.645.250đ.

Kể từ ngày 29/11/2019, bà Đỗ Thị Mai H và ông Bùi Văn S còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Việt Nam T thì lãi suất mà bà Đỗ Thị Mai H và ông Bùi Văn S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp vợi sự điều chính lãi suất của Ngân hàng cho vay.

+ Đình chỉ yêu cầu đối với khoản tiền lãi phạt chậm trả là: 152.902.919đ

+ Trường hợp bà Đỗ Thị Mai H và ông Bùi Văn S không trả được số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 8058209 ngày 07/07/2016 và Hợp đồng tín dụng số LN1706070069394 ngày 07/06/2017 thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số: BB 623854, thửa đất số 40C, tờ bản đồ số 15, tại địa chỉ xóm M, xã Th, huyện L, tỉnh Hòa Bình do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 21/06/2010 đứng tên hộ ông Bùi Văn S, (theo Hợp đồng thế chấp số 807, quyển số: 01TP/CC-SCC, ký kết ngày 06/07/2016 tại Văn phòng Công chứng T, tỉnh Hòa Bình).

Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được để trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T còn thừa thì được trả lại cho bà Đỗ Thị Mai H và ông Bùi Văn S. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thực hiện các Hợp đồng tín dụng trên thì bà Đỗ Thị Mai H và ông Bùi Văn S phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đỗ Thị Mai H không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà H 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0003611, ngày 24/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hòa Bình.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+Bà Đỗ Thị Mai H được miễn nộp số tiền 38.683.785đ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Bùi Văn S phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm 38.683.785đ.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (12/01/2021).

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng